

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1114/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-STNMT ngày 31/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh,
- Lưu: VT, K6, K10

th

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHƯƠNG ÁN

**Xử lý nước thải các cụm công nghiệp và làng nghề
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)*

I. SỰ CẦN THIẾT

Theo Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (CCN) tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 62 CCN, trong đó hiện có 45 CCN đã cơ bản hoàn thiện mặt bằng và đi vào hoạt động. Đồng thời, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 42 làng nghề, làng nghề truyền thống đang hoạt động, phân bố trên địa bàn 06 huyện và 02 thị xã với các lĩnh vực sản xuất chủ yếu như chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh,...

Thời gian qua, hoạt động của các CCN và làng nghề đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, góp phần gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn và bảo tồn, phát huy giá trị các ngành nghề truyền thống của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động của các CCN và làng nghề cũng phát sinh những tác động đến môi trường, ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của các khu dân cư lân cận, nhất là tình trạng ô nhiễm do nước thải sản xuất. Chính vì vậy, việc xây dựng và ban hành Phương án Xử lý nước thải các CCN và làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết và cấp bách để có kế hoạch, lộ trình và phân bổ nguồn lực phù hợp trong quá trình đầu tư, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tại các CCN và làng nghề.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;
- Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 11/9/2017 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

III. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ

1. Thực trạng hoạt động

1.1. Về các cụm công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh có 45 CCN trong quy hoạch đã cơ bản hoàn thiện mặt bằng và đi vào hoạt động và 02 CCN Nhơn Bình và Quang Trung trên địa bàn thành phố Quy Nhơn không nằm trong quy hoạch và đã có kế hoạch di dời nhưng hiện vẫn còn hoạt động. Như vậy, hiện tại trên địa bàn tỉnh có 47 CCN đang hoạt động.

Theo kế hoạch của tỉnh, thời gian tới sẽ có 9 CCN phải ngừng hoạt động hoặc di dời, cụ thể bao gồm: 06 CCN (Gò Đá Trắng, Nhơn Phong, Trường Định, Gò Đá, Hoài Thanh Tây, Canh Vinh) không có trong Phương án phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2030⁽¹⁾; 02 CCN (Nhơn Bình, Quang Trung) tại thành phố Quy Nhơn đã có chủ trương di dời⁽²⁾; CCN Du Tụ tại huyện Hoài Ân nằm trong mặt bằng thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025⁽³⁾. Như vậy, trong Phương án này chỉ xem xét, đánh giá chi tiết hoạt động và công tác quản lý nước thải tại 38 CCN đang hoạt động ổn định và không có kế hoạch di dời hoặc dừng hoạt động.

Các CCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có loại hình sản xuất, kinh doanh khá đa dạng, bao gồm: chế biến lâm sản, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, gia công cơ khí, sản xuất bao bì, ống nhựa, tái chế phế liệu, đúc kim loại, gạch không nung, gia công dân dụng, công nghiệp nhẹ và công nghiệp tiêu dùng,... Các doanh nghiệp đầu tư vào các CCN thường có quy mô nhỏ và trung bình, vốn đầu tư thấp.

Hiện có 23/38 CCN (Phước An, Bình Định, Thanh Liêm, Nhơn Hòa, Đồi Hỏa Sơn, Tân Đức, Phú An, Bình Nghi, Gò Cây, Tây Xuân, Bình Dương, Đại Thạnh, Gò Mít, Cát Nhơn, Cát Trinh, Tam Quan, Bồng Sơn, Hoài Hảo, Hoài Tân, Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây, Tà Súc, Gò Bồi, Gò Cây Duối) có tỷ lệ lấp đầy các doanh nghiệp thứ cấp đạt trên 50%; các CCN còn lại có tỷ lệ lấp đầy thấp (dưới 50%) (*Tình hình hoạt động các CCN tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo*).

1.2. Về các làng nghề

Theo số liệu từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến 31/12/2022 trên địa bàn tỉnh có 57 làng nghề, làng nghề truyền thống. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế và làm việc trực tiếp với một số địa phương trong quý I/2023 cho thấy, có 02 làng nghề đã ngừng hoạt động vì không còn hộ nào tham gia làm nghề (Làng nghề Chu nhang Bả Canh và làng nghề Đúc kim loại Bằng Châu tại thị xã An Nhơn) và 13 làng nghề chỉ hoạt động cầm chừng (Làng nghề đan tre Đại Bình, chiếu cói An Lợi, chiếu cói Lạc Điền, thảm xơ dừa Tam Quan Nam, bánh

⁽¹⁾ Theo Báo cáo số 44/BC-SCT ngày 20/3/2023 của Sở Công Thương;

⁽²⁾ Theo Văn bản số 4765/UBND-KTN ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh;

⁽³⁾ Theo Quyết định số 907/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải;

tráng Thuận Truyền, bánh tráng Kiên Long, dệt thổ cẩm Làng Giọt, chằm nón Ân Tín, đan mây tre Ân Đức, dệt thổ cẩm Bok Tới, dệt thổ cẩm Hà Văn Trên, dệt thổ cẩm An Trung và dệt thổ cẩm Hà Ri) do có số hộ sản xuất trong làng nghề còn rất ít, không đủ điều kiện để đạt tiêu chí có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn theo quy định tại khoản 3 điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ.

Như vậy, trên địa bàn tỉnh hiện có 42 làng nghề đang hoạt động ổn định, trong đó có 16 làng nghề chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, 26 làng nghề thuộc nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn, sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ và sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh. Các làng nghề trên địa bàn tỉnh sản xuất theo phương pháp thủ công truyền thống ở quy mô hộ gia đình. Một số làng nghề đã bước đầu kết hợp ứng dụng một số công nghệ, máy móc trong một số công đoạn sản xuất như làng nghề tiện gỗ, làm nhang, chiếu cói, bún tươi... (*Tình hình hoạt động các làng nghề tại Phụ lục 3 kèm theo*).

2. Thực trạng công tác bảo vệ môi trường

2.1. Về tuân thủ hồ sơ pháp lý và quy hoạch về môi trường

a. Các cụm công nghiệp

Hiện có 23/38 CCN đã hoạt động có hồ sơ môi trường (Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết) được UBND tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; có 03 CCN đã có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Phần lớn các CCN không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường; trong đó, có 32/38 CCN có vị trí rất gần khu dân cư, thậm chí có dân cư sinh sống ổn định, xen lẫn trong CCN. Hầu hết, các CCN có tỷ lệ diện tích cây xanh chưa đáp ứng yêu cầu (tối thiểu 10% diện tích CCN) theo quy định và không có vành đai cây xanh để hạn chế tác động đến các khu dân cư lân cận.

b. Các làng nghề

Đến nay, có 30/42 làng nghề đã lập Phương án Bảo vệ môi trường. Công tác thu gom, quản lý chất thải tại các làng nghề do các hộ tự thực hiện. Hầu hết tại các làng nghề đã thành lập tổ tự quản (do UBND cấp xã thành lập), có chức năng đôn đốc việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường.

2.2. Về công tác thu gom và xử lý nước thải

a. Các cụm công nghiệp

- Tình hình phát sinh nước thải:

+ 03/38 CCN có lưu lượng nước thải (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) thực tế hiện nay trên 100 m³/ngày.đêm, cụ thể: CCN Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn; CCN Cát Trinh, huyện Phù Cát và CCN Cầu Nước Xanh, huyện Tây Sơn.

+ 14/38 CCN có lưu lượng nước thải (nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) phát sinh thực tế hiện nay và dự báo đến năm 2025 từ 50 m³/ngày.đêm trở

lên (hiện tại phát sinh dưới $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$), cụ thể: CCN Phước An, huyện Tuy Phước; CCN Tân Đức, Nhơn Tân 1, An Mơ, Đồi Hỏa Sơn, thị xã An Nhơn; CCN Gò Mít, Cát Nhơn, huyện Phù Cát; CCN Cầu 16, huyện Tây Sơn; CCN Bình Dương, huyện Phù Mỹ và CCN Bồng Sơn, Tường Sơn, Ngọc Sơn, Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn; CCN Vân Canh, huyện Vân Canh.

+ 21/38 CCN đang hoạt động còn lại có lượng nước thải phát sinh hiện nay cũng như dự báo đến năm 2025 dưới $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tình hình thu gom và xử lý nước thải:

+ 10/38 CCN (Phước An, Thanh Liêm, Nhơn Tân 1, An Mơ, Đồi Hỏa Sơn, Gò Mít, Cát Nhơn, Cát Trinh, Phú An, Tam Quan) đã và đang xây dựng hệ thống thu gom nước thải, tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

+ 06/38 CCN (Phước An, Thanh Liêm, Cát Trinh, Gò Mít, Cát Nhơn, Phú An) đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó có 05 hệ thống xử lý nước thải đã vận hành và 01 hệ thống xử lý tại CCN Gò Mít đã xây dựng xong nhưng chưa đưa vào hoạt động. Qua theo dõi cho thấy phần lớn các hệ thống xử lý hoạt động kém hiệu quả. Nguyên nhân chính là không thu gom được nước thải từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dẫn về hệ thống và công tác quản lý, vận hành không được chú trọng thực hiện nên nhiều hệ thống đã hư hỏng, xuống cấp, không còn khả năng hoạt động (CCN Phước An, Thanh Liêm, Phú An). Đối với CCN Tam Quan đã đầu tư hệ thống thoát nước tập trung nhưng chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung vì các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN tự xử lý nước thải đảm bảo trước khi thải ra hệ thống thoát nước. Toàn bộ các hệ thống xử lý nước thải các CCN chưa đầu tư lắp đặt trạm quan trắc tự động và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

(Thực trạng công tác thu gom và xử lý nước thải tại các CCN trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo)

b. Các làng nghề

Qua khảo sát tình hình hoạt động và phát sinh nước thải tại 42 làng nghề đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, cho thấy:

- 26 làng nghề thuộc nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn, sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ và sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh: chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh không đáng kể và được xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

- 16 làng nghề thuộc nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có phát sinh nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt (Làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, Bún - Bánh An Thái xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn; làng nghề truyền thống sản xuất bánh trắng, bún số 8 Tăng Long 1, thị xã Hoài Nhơn; làng nghề Bánh trắng Phú Gia, Nước mắm Đề Gi, Bún - Bánh An Phong, huyện Phù Cát; làng nghề truyền thống bánh trắng mì chà Mỹ Hội I, cá cơm khô Mỹ An,

Bánh tráng các loại Mỹ Phong, Cá khô Mỹ Thọ, bún gạo tươi Tường An, bánh tráng xã Mỹ Quang huyện Phù Mỹ; làng rượu Bầu Đá, Bánh tráng Trường Cửu, thị xã An Nhơn; Làng nghề Rượu Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Thạnh và Làng nghề Bánh tráng Kim Tây, huyện Tuy Phước). Trong đó, có 02 làng nghề (Bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu và Bún - Bánh An Thái xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn) phát sinh lượng nước thải trên $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, phần lớn là nước thải sản xuất có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ cao. Các làng nghề còn lại chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh ít và được các hộ dân tận dụng phục vụ chăn nuôi.

Qua kết quả khảo sát trong tháng 3/2023, tại làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, An Nhơn hiện có khoảng 40 hộ sản xuất, với tổng công suất sản xuất khoảng 30-35 tấn/ngày, lượng nước thải khoảng $70-100 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung với công suất $120 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ từ nguồn vốn Chương trình Tăng trưởng xanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; sau đó bàn giao cho địa phương quản lý, vận hành. Đến tháng 06/2022, trong quá trình triển khai thi công tuyến đường Bắc-Nam số 3 trên địa bàn thị xã An Nhơn đã làm hư hỏng tuyến ống thu gom nước thải và một số thiết bị của hệ thống xử lý nước thải xuống cấp nên đã dừng hoạt động đến nay.

Làng nghề Bún - Bánh An Thái xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn hiện có khoảng 35 hộ làm bún và 145 hộ làm bánh tráng; lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng $60-100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, chủ yếu là nước ngâm gạo, vệ sinh thiết bị, dụng cụ và được các hộ thu gom xử lý sơ bộ, không đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

Làng nghề chế biến cá cơm khô Mỹ An - Phù Mỹ theo quy hoạch để phục vụ di dời 22 cơ sở chế biến cá cơm trong khu dân cư. Tại làng nghề đã xây dựng hệ thống mương thu gom nước thải và khu xử lý sơ bộ nước thải tập trung với công nghệ lắng, lọc, không đảm bảo xử lý triệt để các chất ô nhiễm có trong nước thải. Làng nghề cá cơm khô Mỹ An - Phù Mỹ nằm trong danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần xử lý theo Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh về phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2014. UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương cho UBND huyện Phù Mỹ đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho làng nghề nhưng đến nay chưa thực hiện.

(Thực trạng công tác thu gom và xử lý nước thải tại các làng nghề trong Phụ lục 3 kèm theo)

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ

1. Định hướng đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải

1.1. Đối với các cụm công nghiệp

- Toàn bộ các CCN phải khẩn trương đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo đồng bộ hệ thống thu gom nước thải (bao gồm cả nước thải sản xuất và sinh

hoạt), tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Các CCN có lượng nước thải hiện tại hoặc dự báo đến năm 2025 từ 50 m³/ngày.đêm trở lên phải ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung và trạm quan trắc tự động.

- Các CCN đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung phải khẩn trương kiểm tra, đánh giá hiện trạng và đầu tư nâng cấp, cải tạo để đưa vào hoạt động đảm bảo; yêu cầu toàn bộ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN phải thu gom nước thải (bao gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt) đảm bảo và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của CCN; đồng thời, đầu tư bổ sung trạm quan trắc tự động nước thải.

- Trong thời gian chưa đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, phải yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các CCN tự xử lý nước thải (bao gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt) đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải nước thải ra môi trường.

- Đối với các CCN đã có kế hoạch di dời hoặc dừng hoạt động nhưng hiện vẫn còn hoạt động, chủ đầu tư CCN có trách nhiệm rà soát, vận hành đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải (nếu có) và yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN phải thu gom và xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường được phê duyệt.

- Đối với các CCN mới thành lập phải đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mới được phép đi vào hoạt động.

1.2. Đối với làng nghề

- Các làng nghề phát sinh lượng nước thải sản xuất lớn (từ 50 m³/ngày.đêm trở lên) mới xem xét việc đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung phù hợp với đặc điểm ngành nghề và phân bố các hộ sản xuất trong làng nghề.

- Các làng nghề có phát sinh lượng nước thải lớn hơn 50 m³/ngày.đêm nhưng chủ yếu là nước thải sinh hoạt sẽ không đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung; khuyến khích các hộ gia đình tái sử dụng nước thải sản xuất và tự xử lý (nước thải sản xuất và sinh hoạt) bằng các công trình vệ sinh tương tự như các khu dân cư ở khu vực đô thị và nông thôn.

- Các làng nghề nằm trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mà trong yêu cầu khắc phục ô nhiễm là phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

2. Nội dung và phân kỳ đầu tư các hệ thống thu gom và xử lý nước thải

2.1. Đối với các cụm công nghiệp

- 10/38 CCN đã có hệ thống thu gom nước thải (CCN Phước An, Thanh Liêm, Nhơn Tân 1, An Mơ, Đồi Hòa Sơn, Gò Mít, Cát Nhơn, Cát Trinh, Phú An, Tam Quan) phải thực hiện việc nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom nước thải và thực hiện đấu nối đồng bộ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN, hoàn thành trong năm 2023.

- 28/38 CCN còn lại đã hoạt động nhưng chưa có hệ thống thu gom nước thải phải đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa và đấu nối đồng bộ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN, hoàn thành trong giai đoạn 2023-2024.

- 06/38 CCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung (CCN Phước An, Thanh Liêm, Cát Trinh, Gò Mít, Cát Nhơn, Phú An) phải thực hiện kiểm tra, đánh giá hiện trạng và đầu tư nâng cấp, cải tạo để đưa vào hoạt động đảm bảo, hoàn thành trong năm 2023; đầu tư lắp đặt trạm quan trắc tự động để truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thành trong năm 2024.

- 13/38 CCN đã hoạt động và có lượng nước thải hiện tại hoặc dự báo đến năm 2025 từ 50 m³/ngày trở lên nhưng chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung (CCN Tân Đức, Nhơn Tân 1, Đồi Hòa Sơn, An Mơ, Cầu Nước Xanh, Cầu 16, Bình Dương, Bồng Sơn, Tường Sơn, Ngọc Sơn, Hoài Tân, Tam Quan, Vân Canh) phải đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải tập trung và trạm quan trắc tự động, hoàn thành trong giai đoạn 2023-2025.

- 19/38 CCN còn lại phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung và trạm quan trắc tự động trong giai đoạn 2026-2030. Trong thời gian chưa đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung, phải yêu cầu các cơ sở sản xuất - kinh doanh trong các CCN tự xử lý nước thải (bao gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt) đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải nước thải ra môi trường.

(Phương án đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải các CCN tại Phụ lục 4 kèm theo)

2.2. Đối với làng nghề

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của làng nghề sản xuất bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn trong năm 2023.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của làng nghề chế biến cá cơm khô Mỹ An, huyện Phù Mỹ.

- Đầu tư mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của làng nghề Bún - Bánh An Thái, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn giai đoạn 2023-2025.

3. Nguồn kinh phí đầu tư

- Đối với các cụm công nghiệp do tư nhân làm chủ đầu tư hạ tầng, nhà đầu tư có trách nhiệm bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng và vận hành đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo đúng nội dung và phân kỳ đầu tư tại mục 2.1, Phần IV của Phương án này.

- Đối với các cụm công nghiệp do Nhà nước làm chủ đầu tư hạ tầng và các làng nghề, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương hoặc đề xuất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh hoặc huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng và vận hành đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo đúng nội dung và phân kỳ đầu tư tại mục 2 Phần IV của Phương án này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì tổ chức triển khai và theo dõi quá trình thực hiện Phương án xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh, định kỳ (trước ngày 31/12 hàng năm) báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Đôn đốc, hướng dẫn và tổ chức thẩm định hồ sơ môi trường các CCN; hướng dẫn các địa phương và các chủ đầu tư lựa chọn công nghệ xử lý nước thải các CCN và làng nghề phù hợp.

2. Sở Công Thương

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương rà soát quy hoạch (về không gian và ngành nghề) tại các CCN để điều chỉnh cho phù hợp, nhất là việc tuân thủ khoảng cách an toàn về môi trường và tỷ lệ cây xanh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, trong đó có hạ tầng về bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tập trung, sau khi Chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng CCN từ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 do Bộ Công Thương xây dựng được phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, xử lý chất thải tại các làng nghề.

- Hướng dẫn, đề xuất hỗ trợ và triển khai các mô hình sản xuất sạch, xử lý chất thải tại các làng nghề

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật liên quan tới hàng rào cụm công nghiệp theo đề nghị của các địa phương.

- Không chấp thuận đầu tư mới hoặc điều chỉnh nâng công suất đối với các dự án đầu tư có phát sinh nước thải trong CCN khi chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp là chủ đầu tư hạ tầng CCN

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ môi trường của các CCN do địa phương, doanh nghiệp làm chủ đầu tư và các làng nghề theo quy định, hoàn thành trong năm 2023.

- Chủ động bố trí từ nguồn kinh phí của địa phương, doanh nghiệp hoặc đề xuất hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng thu gom, xử lý nước thải tập trung các CCN và làng nghề theo Phương án này. Khuyến khích chủ đầu tư các cụm công nghiệp đầu tư đồng bộ

hệ thống thu gom và xử lý nước thải của các cụm công nghiệp sớm hơn so với lộ trình đề ra.

- UBND cấp huyện có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong các CCN phải tuân thủ nghiêm việc thu gom và đầu nối toàn bộ nước thải phát sinh (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) vào hệ thống thoát nước thải của CCN. Trường hợp CCN đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng cơ sở sản xuất kinh, doanh trong CCN không tuân thủ thực hiện việc đầu nối mà vẫn xả thải trực tiếp ra môi trường thì kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với các CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện tự xử lý nước thải đảm bảo trước khi thải ra môi trường.

- Đối với các CCN đã có kế hoạch di dời hoặc dừng hoạt động nhưng hiện vẫn còn hoạt động, chủ đầu tư CCN có trách nhiệm rà soát, vận hành đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải (nếu có) và yêu cầu hoặc phối hợp với UBND cấp huyện yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong CCN phải thu gom và xử lý nước thải đảm bảo theo quy định.

- Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý nước thải các CCN và làng nghề, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường; thực hiện quan trắc tự động nước thải và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Định kỳ hằng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá tình hình phát sinh và thu gom, xử lý nước thải tại các CCN trên địa bàn quản lý, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp. Đồng thời, đề xuất đầu tư bổ sung trong giai đoạn 2023-2025 đối với các CCN có lượng nước thải vượt 50 m³/ngày.đêm nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư theo Phương án này.

Trong quá trình thực hiện Phương án, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG

(Kèm theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Năm thành lập	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch	Bảo cáo ĐTM/Đề án BVMT	Ngành nghề hoạt động	Số lượng doanh nghiệp/dự án				Lượng nước thải phát sinh (bao gồm nước thải sinh hoạt và sản xuất) (m3/ngày.đêm)		Hệ thống xử lý nước thải							
								Tổng số	Đang hoạt động	Dự báo thời gian lắp đầy 50%	Dự báo thời gian lắp đầy 100%	Hiện nay	Dự báo khi lắp đầy	Công suất tối đa theo quy hoạch (m3/ngày.đêm)	Công suất thiết kế hiện tại (m3/ngày.đêm)	Lưu lượng trung bình nước thải xử lý hiện tại (m3/ngày.đêm)	Đơn vị vận hành hệ thống	Tình trạng hoạt động	Chi phí xử lý hiện nay (đồng/m3)	Nguồn kinh phí cho công tác vận hành hệ thống	Hệ thống quan trắc tự động
I	Tuy Phước																				
1	CCN Phước An	Thôn Ngọc Thạch, Phước An	2013	UBND huyện Tuy Phước	49,5	Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 08/7/2013	Chế biến nông lâm sản; sản xuất VLXD, cơ khí, công nghiệp phụ trợ	20	17	-	Đã lắp đầy 100%	40-50	40-50	100	200	35-45	BQLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước	Đang nâng cấp, duy tu, sửa chữa	Chưa có đơn giá xử lý nước thải	Thu phí xử lý nước thải từ các DN và cơ sở SXKD trong CCN	Có (hoàn thành trước tháng 12/2024)
II	Thị Xã An Nhơn																				
2	CCN Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An	2007	UBND thị xã An Nhơn	4,8	Quyết định 1253/QĐ-CTUBND ngày 30/5/2007	Chế biến nước mắm, bao bì, carton	9	9	100	100	10	10	50	50	5-10	0	Không đủ nước để vận hành thử nghiệm	0	0	Không
III	Phù Cát																				
3	CCN Gò Mít	Thị trấn Ngô Mây	2005	UBND huyện	13,4	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 15/1/2013	Thủ công mỹ nghệ; chế biến nông lâm sản; chế biến thực phẩm; tái chế nhựa, VLXD, cơ khí	19	15	-	Đã lắp đầy 100%	21	50	60	60	Chưa hoạt động	BQLDA ĐTXD&PTQĐ huyện	Đang hoàn thiện	Chưa xây dựng		Không
4	CCN Cát Nhơn	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	2006	XNKP và PT hạ tầng Pisico	60	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 21/4/2008	Chế biến nông lâm sản; dệt may; sản xuất VLXD, cơ khí; kho bãi; các ngành công nghiệp ít ô nhiễm	9	7	-	Đã lắp đầy 100%	20,39	50	200	200	16	Xí nghiệp KD&PT hạ tầng Pisico	Ổn định	11.000	Thu phí xả thải từ các đơn vị trong CCN	Không
5	CCN Cát Trinh	Thôn Phú Kim, xã Cát Trinh	2008	Công ty CP May Nhà Bè	16,7	Quyết định số 4453/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	May, dệt sợi, nhuộm; các ngành công nghiệp phụ trợ ngành may mặc	4	4		2030	670,5		500	500	280	Tổng công ty May Nhà Bè	Ổn định		Thu phí xả thải từ các đơn vị trong CCN	Không
IV	Tây Sơn																				
6	CCN Phú An	Thôn Phú An, xã Tây Xuân	2014	CĐT: UBND huyện Tây Sơn	38,03	Quyết định số 2561/QĐ-STNMT ngày 31/12/2009	Chế biến nông lâm sản; cơ khí; chế biến Granite; may mặc và các ngành công nghiệp ít ô nhiễm	24	24						100						

Phụ lục 2
DANH SÁCH CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
(Kèm theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên CCN	Địa chỉ	Năm thành lập	Chủ đầu tư	Diện tích quy hoạch	Báo cáo ĐTM/Đề án BVMT	Ngành nghề hoạt động	Số lượng doanh nghiệp /dự án				Lượng nước thải phát sinh của CCN (bao gồm sinh hoạt và sản xuất) (m3/ngày.đêm)		Hạ tầng thoát nước hiện nay của CCN (Có/Không)		Quy hoạch vị trí xử lý nước thải	
								Tổng số	Đang hoạt động	Dự báo thời gian lắp đầy 50%	Dự báo thời gian lắp đầy 100%	Hiện nay	Dự báo khi lấy đầy	Hệ thoát thoát nước mưa	Hệ thống thoát nước thải	Có/Không	Khoảng cách đến khu dân cư gần nhất
I	TP.Quy Nhơn																
1	CCN Bùi Thị Xuân	KV8, P. Bùi Thị Xuân	2004	UBND TP Quy Nhơn	23,34	Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 26/02/2014	Nhà máy, sơn, cao su, sản phẩm hóa chất; sản xuất giấy, cơ khí, điện lạnh; gia công dân dụng; chế biến nông lâm sản; sản xuất VLXD; công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng	1	1	-	-	-	-	Không	Không	Có	
II	Thị xã An Nhơn																
2	CCN Bình Định	Phường Bình Định	2008	UBND thị xã An	14,5	Quyết định số 2558/QĐ-STNMT ngày 30/12/2009	Máy mặc; chế biến nông lâm sản; sản xuất thép, dịch vụ sản xuất	12	11	-	-	40	~ 40	Có	Không	Không	
3	CCN Tân Đức	Thôn Tân Đức, xã Nhơn Mỹ	2006	UBND thị xã An Nhơn	18,5	-	Máy mặc; sản xuất thủ công mỹ nghệ, công nghiệp phụ trợ, VLXD, cơ khí, hàng tiêu dùng khác	18	8	2023	2023	50	~ 250 - 280	Không	Không	Có	~ 400 m

4	CCN Nhon Hòa	Thôn Tân Hòa, phường Nhon Hòa	2005	UBND thị xã An Nhon	11	Quyết định 2563/QĐ-STNMT ngày 30/12/2009	Chế biến, khai thác nông lâm sản; cơ khí; sản xuất gạch không nung, thủ công mỹ nghệ, đá granite	5	5	-	-	20	~ 20	Có	Không	Không	
5	CCN Nhon Tân 1	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhon Tân	2020	Công ty TNHH MTV ĐT&PT kho bãi Nhon Tân	66	Quyết định số 3285/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	Chế biến gỗ, cơ khí nhỏ; chế biến thức ăn gia súc và các ngành ít gây ô nhiễm	5	2	2024	2026	50	250 - 280	Có	Có	Có	> 1Km
6	CCN An Trường (trước đây CCN Gò Sơn)	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhon Tân	2008	Công ty TNHH Hoàn Cầu Granite	28,3	Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 21/12/2009	VLXD, chế biến nông lâm sản; kho bãi, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng không gây ô nhiễm	2	2	-	-	20	-	Có	Không	Có	~ 300m
7	CCN An Mơ	Thôn Nam Tượng II, xã Nhon Thọ	2017	Công ty TNHH Trường Thịnh	29,4	Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 11/9/2018	Chế biến nông lâm sản, thực phẩm; gia công cơ khí; may mặc; thủ công mỹ nghệ	2	2	2024	-	50	~ 90	Có	Có	Có	~ 500m
8	CCN Đồi Hòa Sơn	Thôn Tân Đức, xã Nhon Mỹ	2019	Công ty TNHH Thiên Hưng Mỹ Thọ	37	Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 14/02/2019	May mặc; sản xuất thủ công mỹ nghệ, công nghiệp phụ trợ, VLXD, cơ khí, hàng tiêu dùng khác	7	5	2023	2025	50	~ 300	Có	Có	Có	~ 500m
III	Tây Sơn																
9	CCN Cầu Nước Xanh	Thôn 1, xã Bình Nghi	2016	Công ty CP CCN Cầu Nước Xanh	38,78	Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 23/4/2015	Chế biến nông lâm sản, hàng tiêu dùng, dịch vụ; kho vận	1	1			213		Có	Có		

10	CCN Bình Nghi	Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi	2013	UBND huyện Tây Sơn	23,69	-	Đồ gỗ xuất khẩu, cơ khí; thức ăn gia súc, ngành công nghiệp khác ít gây ô nhiễm	3	3			8,56		Không	Không		
11	CCN Tây Xuân	Thôn Phú An, xã Tây Xuân	2015	UBND huyện Tây Sơn	52,14	-	Công nghiệp dệt may, VLXD, cơ khí, chế biến đá granite, nông lâm sản, các ngành công nghiệp nhẹ không gây ô nhiễm	8	8			23		Không	Không	Có	
12	CCN Cầu 16	Thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận	2012	UBND huyện Tây Sơn	38	-	Sản xuất xăm lớp xe, VLXD, cơ khí, nông lâm sản; các ngành thủ công mỹ nghệ không gây ô nhiễm	3	3			87,92		Không	Không	Có	
13	CCN Gò Cây	Thôn Kiên Long, xã Bình Thành	2015	UBND huyện Tây Sơn	30	-	Sản xuất VLXD, cơ khí, nông lâm sản, các ngành công nghiệp nhẹ không gây ô nhiễm	4	4			12,72		Không	Không	Có	
14	CCN Rẫy Ông Thơ	Thôn Đại Chí, xã Tây An	2016	UBND huyện Tây Sơn	21,05	-	Sản xuất VLXD, chế biến nông lâm sản và các ngành nghề ít gây ô nhiễm	3	3			9,6		Không	Không	Có	
15	CCN Hóc Bơm	Thôn 1, xã Bình Nghi	2015	UBND huyện Tây Sơn	37,8	Quyết định số 2560/QĐ-STNMT ngày 31/12/2009	Chế biến nông lâm sản; cơ khí; chế biến Granite; may mặc và các ngành công nghiệp ít ô nhiễm	7	7			17,68		Không	Không	Có	

[illegible]

[illegible]

26	CCN Vân Canh	Thị trấn Vân Canh	2006	UBND huyện Vân Canh	17		Chế biến nông sản, lâm sản, sản xuất VLXD, cơ khí và tiểu thủ công nghiệp	5	5	2023	2025	19,39	319,5	Không	Không	Có	200m
IX	Thị xã Hoài Nhơn																
27	CCN Bồng Sơn	K.P Thiết Đỉnh Nam - Phường Bồng Sơn	2012	UBND TX. Hoài Nhơn	30,5	-	May mặc, thủ công mỹ nghệ, gia công các mặt hàng gia dụng, hàng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	10	8	-	2023	32	66	Có	Không	Có	30
28	CCN Hoài Hảo	K.P Phụng Du I, Phường Hoài Hảo	2018	UBND TX. Hoài Nhơn	16,75	-	Chế biến nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, sản xuất VLXD	3	3	-	2025	13,87	38,87	Có	Không	Có	200
29	CCN Tường Sơn	Thôn Tường Sơn, Xã Hoài Sơn	2012	UBND TX. Hoài Nhơn	15	-	Chế biến nông lâm sản, VLXD, cơ khí và hàng tiêu dùng	2	2	-	2024	42	98		Không	Có	230
30	CCN Ngọc Sơn, Hoài Thanh Tây	K.P Ngọc Sơn Bắc, Phường Hoài Thanh Tây	2018	UBND TX. Hoài Nhơn	12	-	Chế biến nông lâm sản, VLXD, cơ khí và hàng tiêu dùng	3	3	-	2025	44,5	92,5	có	Không	Có	250
31	CCN Hoài Tân	K.P Giao Hội 1, P. Hoài Tân	2014	UBND TX. Hoài Nhơn	74,5	-	Sản xuất VLXD, chế biến nông lâm sản và thủ công mỹ nghệ	7	5	-	2025	170	420	có	Không	Có	360
32	CCN Tam Quan	K.P 5, P.Tam Quan	2006	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	16,04		May mặc, wash, công nghệ hỗ trợ cho ngành may (in, sản xuất bao bì); cơ khí và thủ công mỹ nghệ	3	3	-		960	960	Có	Có	-	-

Phụ lục 3

DANH SÁCH CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT		Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống	Địa chỉ	Năm công nhận (nếu có)	Sản phẩm chính làng nghề	Số hộ tham gia	Đã lập phương án BVMT LN (số Quyết định, ngày tháng)	Tình hình thực hiện phương án BVMT đã được phê duyệt			Tình hình phát sinh và xử lý nước thải			
								Hạ tầng thu gom nước mưa (nếu có)	Hạ tầng thu gom nước thải (nếu có)	Hệ thống xử lý nước thải (nếu có)	Nước thải sinh hoạt		Nước thải sản xuất	
											Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý	Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý
	I	T.X HOÀI NHON					3							
1	01	Làng nghề dệt chiếu cói Công Thành	K.P Công Thanh, P. Tam Quan Bắc	2019	Chiếu cói	70	5516/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại	Hầu như không phát sinh nước thải sản xuất	
2	02	Làng nghề truyền thống dệt chiếu cói Chương Hòa	Thôn Gia An Đông, xã Hoài Châu Bắc	2020	Chiếu cói	155	4055/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại	Hầu như không phát sinh nước thải sản xuất	
3	03	Làng nghề truyền thống sản xuất bánh tráng, bún số 8 Tầng Long 1	K.P Tăng Long 1, P. Tam Quan Nam	2020	Bánh tráng, bún số 8	95	5378/QĐ-UBND ngày 03/6/2019	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại	03	Dùng cho hoạt động chăn nuôi hoặc xử lý bằng hầm tự hoại
	II	PHÚ CÁT					7							
4	1	Nhang Xuân Quang	xã Cát Tường	2007	Nhang	20	2326/QĐ-UBND ngày 07/12/2018				10,01	Bể tự hoại	Không	
5	2	Bánh Tráng Phú Gia	xã Cát Tường	2007	Bánh tráng	123	2327/QĐ-UBND ngày 07/12/2018				29,84	Bể tự hoại	1,5	Tận dụng chăn nuôi
6	3	Nón ngựa Phú Gia	xã Cát Tường	2007	Nón	36	2328/QĐ-UBND ngày 07/12/2018				8,72	Bể tự hoại	Không	
7	4	Đan đất Trung Chánh	xã Cát Minh	2009	Thúng, rổ, rá...	238	1396/QĐ-UBND ngày 07/6/2019				238	Bể tự hoại	Không	
8	5	Nước mắm Đề Gi	xã Cát Khánh	2016	Nước mắm	323	1395/QĐ-UBND ngày 07/6/2019				291	Bể tự hoại	32	Hệ thống lắng lọc
9	6	Đan đất Phú Hiệp	xã Cát Tài	2009	Thúng, rổ, rá...	204	1821/QĐ-UBND ngày 25/8/2020				163,2	Bể tự hoại	Không	
10	7	Bún, Bánh An Phong	thị trấn Ngõ Mây	2009	Bún và bánh tráng	77	1876/QĐ-UBND ngày 31/5/2021				66,8	Bể tự hoại	15,8	Tận dụng chăn nuôi
	III	TÂY SƠN					1							

TT		Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống	Địa chỉ	Năm công nhận (nếu có)	Sản phẩm chính làng nghề	Số hộ tham gia	Đã lập phương án BVMT LN (số Quyết định, ngày tháng)	Tình hình thực hiện phương án BVMT đã được phê duyệt			Tình hình phát sinh và xử lý nước thải			
											Nước thải sinh hoạt		Nước thải sản xuất	
								Hạ tầng thu gom nước mưa (nếu có)	Hạ tầng thu gom nước thải (nếu có)	Hệ thống xử lý nước thải (nếu có)	Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý	Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý
11	1	Làng nghề nón lá Thuận Hạnh	Thôn Thuận Hạnh, Thuận Hiệp, xã Bình Thuận	2021	Nón lá	312	5071/QĐ- UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện Tây Sơn	Không	Không	Không	74	Xử lý bằng bể tự hoại của hộ gia đình	Không	Không
IV		PHÙ MỸ					2							
12	1	Làng nghề chế biến hải sản khô xuất khẩu xã Mỹ An	Xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	-	Chế biến hải sản khô	22 hộ KD cá thế và 02 DN đăng ký thuê đất	2136/QĐ- UBND ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh		Hệ thống mương	02 bể lắng, 02 hồ sinh học	0.3m ³ /ngày/hộ	Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn	1.3m ³ /ngày đêm/hộ, cao điểm 6.5m ³ /ngày đêm	Hệ thống mương thu gom và khu XLNT tập trung (chủ yếu bảng phương pháp cơ học)
13	2	LNTT bánh tráng mì chà Mỹ Hội I	Xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2009	Sản xuất bánh tráng mì chà	190 hộ	2205/QĐ- UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh				0.1m ³ /ngày/hộ	Hệ thống bể tự hoại 3 ngăn	Không xác định	Xả thải vào đất vườn nhà
14	3	LNTT Thảm xơ dừa Mỹ Lợi	Thôn Chánh Khoan Đông, CK Tây, CK Nam, xã Mỹ Lợi		Thảm các loại		-	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại	-	
15	4	LNTT Đan đất Vĩnh Nhơn	Thôn Vĩnh Lý, Vĩnh Nhơn, xã Mỹ Tài		Dùng, thúng, nong nia		-	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại	-	
16	5	LN SP từ cối Mỹ Thắng	Thôn 10, 11, xã Mỹ Thắng		Chiều các loại		-	Có	Không có	Không có		Bể tự hoại		
17	6	LNTT Bánh tráng các loại Mỹ Phong	Vĩnh Bình, Vĩnh Tường, xã Mỹ Phong		Bánh tráng các loại							Bể tự hoại		Tận dụng chăn nuôi
18	7	LN Cá khô Mỹ Thọ	Xã Mỹ Thọ		Ruốc, cá							Bể tự hoại		Tận dụng chăn nuôi
19	8	LN bún gạo tươi Tường An	Thôn Tường An, xã Mỹ Quang		Bún gạo tươi, bún khô							Bể tự hoại		Tận dụng chăn nuôi
20	9	LN Mây tre đan, cót xã Mỹ Hiệp	Xã Mỹ Hiệp		Mây tre đan, cót đan			Có	Không có	Không có		Bể tự hoại		
21	10	LN bánh tráng xã Mỹ Quang	Thôn Bình Trị, xã Mỹ Quang		Bánh tráng các loại							Bể tự hoại		Tận dụng chăn nuôi
22	11	LN sản xuất dây chỉ nhựa Mỹ Phòng	Thôn Vĩnh Bình, Văn Tường, xã Mỹ Phong		Dây nhựa			Không có	Không có		Bể tự hoại	Không có		
V		TX. AN NHON					15							

TT		Tên làng nghề, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống	Địa chỉ	Năm công nhận (nếu có)	Sản phẩm chính làng nghề	Số hộ tham gia	Đã lập phương án BVMT LN (số Quyết định, ngày tháng)	Tình hình thực hiện phương án BVMT đã được phê duyệt			Tình hình phát sinh và xử lý nước thải			
								Hạ tầng thu gom nước mưa (nếu có)	Hạ tầng thu gom nước thải (nếu có)	Hệ thống xử lý nước thải (nếu có)	Nước thải sinh hoạt		Nước thải sản xuất	
											Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý	Lưu lượng (m ³)	Biện pháp xử lý
23	1	Làng nghề Bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu	Thôn Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu	2007	Sản xuất Bún tươi	40	Quyết định số 732/QĐ- UBND ngày 07/2/2018	Có	Có	120 m ³ /h	232,5 m ³ /ngày	Công trình vệ sinh và bể lắng	100 m ³ /ngày	Thu gom về HTXLNT tập trung
24	2	Làng nghề Bún Bánh An Thái, xã Nhơn Phúc	Thôn An Thái, xã Nhơn Phúc	2022	Sản xuất bún khô, bánh trắng	62	Quyết định số 8966/QĐ- UBND ngày 24/12/2020	Có	Có	Xây dựng bể biogas để xử lý từng hộ	218 m ³ /ngày	Công trình vệ sinh và bể lắng	50 m ³ /ngày	Xây dựng bể biogas để xử lý tại từng hộ gia đình
25	3	Làng Gốm Vân Sơn	Thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu	2007	Lò, chum, ... bằng đất nung	12 hộ	Quyết định số 731/QĐ- UBND ngày 07/2/2018	Có	Không có	-	-	-	-	-
26	4	Làng tiện gỗ mỹ nghề Nhơn Hậu	Thôn Nhạn Tháp, xã Nhơn Hậu	2022	Đồ gỗ mỹ nghề	22 hộ	Quyết định số 726/QĐ- UBND ngày 06/2/2018	Có	Không có	-	-	-	-	-
27	5	Làng Nón lá Gò Găng	Thôn Tiên Hội, xã Nhơn Thành	“	Nón lá	-	-	Có	Không có	-	-	-	-	-
28	6	Làng rượu Bàu Đá	Thôn Cù Lâm, xã Nhơn Lộc	2019	Rượu đế	34 hộ	Quyết định số 2883/QĐ- UBND ngày 24/4/2019	Có	Không có	-	-	-	-	-
29	7	Bánh trắng Trường Cửu	Thôn Trường Cửu, xã Nhơn Lộc	2019	Bánh trắng	68 hộ	Quyết định số 2884/QĐ- UBND ngày 24/4/2019	Có	Không có	-	-	-	-	-
30	8	Làng rèn Tây Phương Danh	Tây Phương Danh, Đập Đá	2019	SP rèn	115 hộ	Quyết định số 2886/QĐ- UBND ngày 24/4/2019	Có	Không có	-	-	-	-	-
31	9	Làng mai cảnh Hảo Đức	Thôn Hảo Đức, xã Nhơn An	2021	Mai xuân	231 hộ	Quyết định số 5202/QĐ- UBND ngày 06/8/2020	Có	Không có	-	-	-	-	-
32	10	Làng mai cảnh Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An	2021	Mai xuân	146 hộ	Quyết định số 5204/QĐ- UBND ngày 06/8/2020	Có	Không có	-	-	-	-	-
33	11	Làng mai cảnh Thuận Thái	Thôn Thuận Thái, xã Nhơn An	2021	Mai xuân	132 hộ	Quyết định số 5203/QĐ- UBND ngày 06/8/2020	Có	Không có	-	-	-	-	-
34	12	Làng Mai cảnh Tân Dương	Thôn Tân Dương, xã Nhơn An	2021	Mai xuân	110 hộ	Quyết định số 5201/QĐ- UBND ngày 06/8/2020	Có	Không có	-	-	-	-	-

Phụ lục 4
PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH
ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa chỉ	Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023	Đầu tư mới hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023-2024	Nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải và hệ thống quan trắc tự động nước thải giai đoạn 2023- 2024	Đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống quan trắc tự động nước thải	
						Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Thành phố Quy Nhơn						
1	CCN Bùi Thị Xuân	KV8, P. Bùi Thị Xuân		X			X
II	Huyện Tuy Phước						
2	CCN Phước An	Thôn Ngọc Thạch, xã Phước An	X		X		
III	Thị xã An Nhơn						
3	CCN Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An	X		X		
4	CCN Tân Đức	Thôn Tân Đức, xã Nhơn Mỹ		X		X	
5	CCN Nhơn Tân 1	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân	X			X	
6	CCN An Mơ	Thôn Nam Tượng II, xã Nhơn Thọ	X			X	
7	CCN Đồi Hòa Sơn	Thôn Tân Đức, xã Nhơn Mỹ	X			X	
8	CCN Bình Định	Phường Bình Định		X			X
9	CCN Nhơn Hòa	Phường Nhơn Hòa		X			X
10	CCN An Trường (trước đây CCN Gò Sơn)	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân		X			X
IV	Huyện Tây Sơn						
11	CCN Phú An	Thôn Phú An, xã Tây Xuân	X		X		
12	CCN Cầu Nước Xanh	Thôn 1, xã Bình Nghi		X		X	

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa chỉ	Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023	Đầu tư mới hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023-2024	Nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải và hệ thống quan trắc tự động nước thải giai đoạn 2023- 2024	Đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống quan trắc tự động nước thải	
						Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030
13	CCN Cầu 16	Thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận		x		x	
14	CCN Bình Nghi	Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi		x			x
15	CCN Tây Xuân	Thôn Phú An, xã Tây Xuân		x			x
16	CCN Gò Cày	Thôn Kiên Long, xã Bình Thành		x			x
17	CCN Rẫy Ông Thơ	Thôn Đại Chí, xã Tây An		x			x
18	CCN Bình Tân	Thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân		x			x
19	CCN Hóc Bơm	Xã Tây Xuân		x			x
20	CCN Gò Giữa	Xã Tây Giang		x			x
V	Huyện Phù Cát						
20	CCN Gò Mít	Thị trấn Ngô Mây	x		x		
21	CCN Cát Nhơn	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn	x		x		
22	CCN Cát Trinh	Thôn Phú Kim, xã Cát Trinh	x		x		
VI	Huyện Phù Mỹ						
23	CCN Bình Dương	TT. Bình Dương, xã Mỹ Lợi		x		x	
24	CCN Diêm Tiêu	TT. Phù Mỹ		x			x
25	CCN Đại Thạnh	Thôn Đại Thạnh, xã Mỹ Hiệp		x			x
VII	Thị xã Hoài Nhơn						
26	CCN Tam Quan	K.P 5, P. Tam Quan	x			x	
27	CCN Bồng Sơn	K.P Thiết Đính Nam, P. Bồng Sơn		x		x	
28	CCN Tường Sơn	Thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn		x		x	
29	CCN Ngọc Sơn, Hoài Thanh Tây	K.P Ngọc Sơn Bắc, P. Hoài Thanh Tây		x		x	

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa chỉ	Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023	Đầu tư mới hệ thống thu gom nước thải giai đoạn 2023-2024	Nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải và hệ thống quan trắc tự động nước thải giai đoạn 2023- 2024	Đầu tư mới hệ thống xử lý nước thải tập trung và hệ thống quan trắc tự động nước thải	
						Giai đoạn 2023-2025	Giai đoạn 2026-2030
30	CCN Hoài Tân	Xã Hoài Tân		X		X	
31	CCN Hoài Hảo	K.P Phụng Du 1, P. Hoài Hảo		X			X
VIII	Huyện Hoài Ân						
32	CCN Truong Sỏi	Gia Chiều 1, TT Tăng Bạt Hổ		X			X
33	CCN Gò Bằng	Thôn Long Quang, xã Ân Mỹ		X			X
IX	Huyện An Lão						
34	CCN Gò Bù	Thôn Gò Bù, thị trấn An Lão		X			X
35	CCN Gò Cây Duối	Thôn Long Hòa, xã An Hòa		X			X
X	Huyện Vĩnh Thạnh						
36	CCN Tà Súc	Thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang		X			X
XI	Huyện Vân Canh						
37	CCN Vân Canh	Thị trấn Vân Canh		X		X	
			10	28	6	13	19